

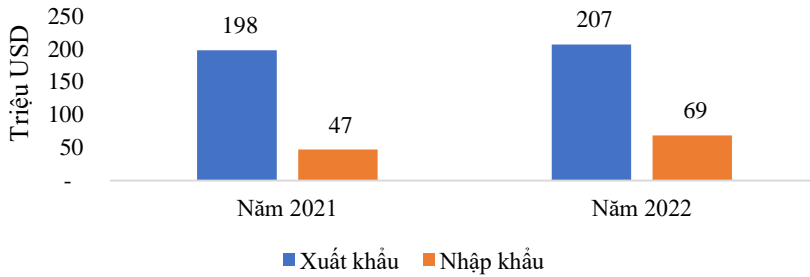
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HÀN QUỐC



TÌNH HÌNH CHUNG

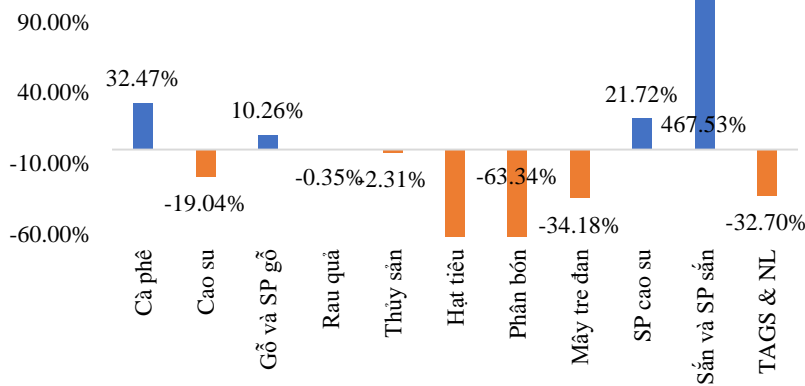
**Xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam - Hàn Quốc
T10-2022/2021**



**So sánh xuất nhập khẩu
NLTS Việt Nam –
Hàn Quốc
T10-2022/2021**

Xuất khẩu	▲ 4,38 %
Nhập khẩu	▲ 46,05 %

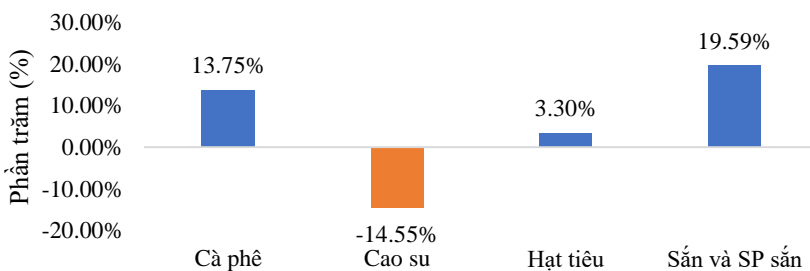
**Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính của
Việt Nam sang Hàn Quốc T10-2022/2021**



So sánh T10-2022/2021

Cà phê	▲ 32,47%
Cao su	▼ 19,04%
Gỗ và SP gỗ	▲ 10,26%
Hàng rau quả	▼ 0,35%
Hàng thủy sản	▼ 2,31%
Hạt tiêu	▼ 65,90%
Phân bón	▼ 63,34%
Mây tre đan	▼ 34,18%
SP từ cao su	▲ 21,72%
Sản và SP sản	▲ 467,53%
TAGS & NL	▼ 32,70%

**Biến động giá xuất khẩu bình quân
T10-2022/2021**



**So sánh giá xuất khẩu BQ
T10-2022/2021**

Cà phê	▲ 13,75%
Cao su	▼ 14,55%
Hạt tiêu	▲ 3,30%
Sản và SP sản	▲ 19,59%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Triển vọng của nền kinh tế Hàn Quốc trong năm 2023 là khá mờ mịt. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế của Hàn Quốc xuống 2,2%, thấp hơn nhiều so với mức tăng trưởng dự kiến của năm nay là 2,7%.

Việc OECD hạ thấp triển vọng tăng trưởng của Hàn Quốc là dấu hiệu không khả quan do tổ chức này vẫn giữ nguyên dự báo tăng trưởng toàn cầu trong năm tới ở mức 2,2%. Điều này cho thấy nền kinh tế lệ thuộc xuất khẩu của Hàn Quốc dễ bị tổn thương hơn trước các yếu tố tiêu cực như thắt chặt tiền tệ toàn cầu và giá dầu cùng các tài nguyên nguyên liệu khác tăng cao.

Nền kinh tế Hàn Quốc cũng đang gánh chịu gánh nặng của cuộc chiến kéo dài giữa Nga với Ukraine, cuộc cạnh tranh quyền lực nước lớn giữa Mỹ - Trung và chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch đang gia tăng của cả hai cường quốc. Tốc độ tăng trưởng chậm hơn của Trung Quốc cũng là một trong những thách thức lớn nhất mà Hàn Quốc phải đối mặt do Trung Quốc là thị trường xuất khẩu số 1 của Hàn Quốc. Trong nước, xung đột chính trị giữa đảng cầm quyền và phe đối lập đang đè nặng nền kinh tế.

Thâm hụt thương mại của Hàn Quốc dự đoán sẽ tăng vọt lên 40 tỷ USD trong năm nay, mức thâm hụt lớn nhất kể từ khi nước này bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008. Xuất khẩu năm 2023 được dự báo sẽ giảm 3,1% do xu hướng suy giảm thương mại.

Cơ quan Hải quan Hàn Quốc vừa cho biết, nhập khẩu kim chi của nước này đã chạm mức cao nhất từ trước đến nay vào tháng 10/2022 trong bối cảnh lạm phát tăng cao. Theo số liệu chính thức, các lô hàng nhập khẩu món ăn cay truyền thống của Hàn Quốc đạt mức kỷ lục 17,02 triệu USD trong tháng 10/2022, tăng 50,9% so với cùng kỳ năm trước. Con số này cũng tăng 16,2% so với tháng trước đó và ghi dấu lần đầu tiên nhập khẩu kim chi hàng tháng của Hàn Quốc vượt mốc 17 triệu USD.

Xuất khẩu kim chi của đất nước này đạt 11,13 triệu USD trong tháng 10/2022, dẫn đến thâm hụt thương mại 5,89 triệu USD trong lĩnh vực này. Nhập khẩu kim chi tăng trong tháng 10/2022 được cho là do giá bắp cải, các nguyên liệu khác và các sản phẩm làm kim chi trong nước tăng giá, khiến các nhà hàng và những người tiêu dùng khác chuyển sang nhập giá rẻ hơn từ Trung Quốc.

Nhà sản xuất kim chi hàng đầu Hàn Quốc Daesang FNF và các công ty khác đã tăng giá sản phẩm gần 10% trong tháng 9 và tháng 10, và cũng là lần tăng giá thứ hai trong năm nay.

Dữ liệu cũng cho thấy nhập khẩu kim chi của Hàn Quốc tăng 30% so với cùng kỳ năm ngoái lên 142 triệu USD trong 10 tháng qua. Ngược lại, xuất khẩu kim chi giảm 12,8% xuống 119 triệu USD, dẫn đến thâm hụt thương mại 23 triệu USD trong ngành này. Do đó, cán cân thương mại kim chi của Hàn Quốc dự kiến sẽ thâm hụt trong cả năm 2022 so với mức thặng dư 19,2 triệu USD của năm ngoái và là lần thâm hụt đầu tiên trong 12 năm.

Tính đến tháng 10 năm 2022, tổng cộng 976.967 tấn thủy sản đã được nhập khẩu vào Hàn Quốc, trong đó nhập khẩu bạch tuộc nhỏ đông lạnh 22.923 tấn, tương đương 2,35%. Năm 2021, Hàn Quốc đã nhập khẩu 23.418 tấn bạch tuộc nhỏ đông lạnh, chiếm 2,76% trong số 849.769 tấn thủy sản nhập khẩu trong cả năm đó.

Lượng nhập khẩu trung bình từ tháng 10/2017 đến năm 2022 là 2.756 tấn, trong đó nhập khẩu bạch tuộc đông lạnh loại nhỏ trong tháng 10 là cao nhất với 24.273 tấn trong năm 2017 và thấp nhất với 20.934 tấn vào năm 2019.

Có 9 quốc gia xuất khẩu bạch tuộc đông lạnh loại nhỏ cho Hàn Quốc trong năm nay, trong đó nhập khẩu từ Việt Nam 17.313 tấn, chiếm 75,5% tổng lượng nhập khẩu, tiếp theo là Thái Lan với 4.185 tấn, Indonesia với 1.044 tấn, Trung Quốc với 152 tấn và Malaysia với 115 tấn.

Tính tới tháng 9/2022, nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc từ Nhật Bản đạt 19.206 tấn, tăng 15% so với cùng kỳ năm 2021. Có 8.658 tấn sò điệp sống được nhập khẩu, tăng 24% so với cùng kỳ năm 2021, khiến đây trở thành mặt hàng thủy sản được nhập khẩu chính. Đứng thứ hai là cá chẻm đỏ với 3.937 tấn, tăng 11% và đứng thứ ba là cá cam sống với 999 tấn, giảm 17%. Nhập khẩu cá minh thái tươi giảm 6% đạt 943 tấn, nhập khẩu dứa biển đông lạnh đạt 931 tấn, tăng 5%. Nhập khẩu cá đuối tươi đạt 497 tấn, giảm 11%. Tỷ trọng các sản phẩm thủy sản nhập khẩu từ Nhật Bản vào Hàn Quốc chiếm 2,10% tổng khối lượng nhập khẩu.

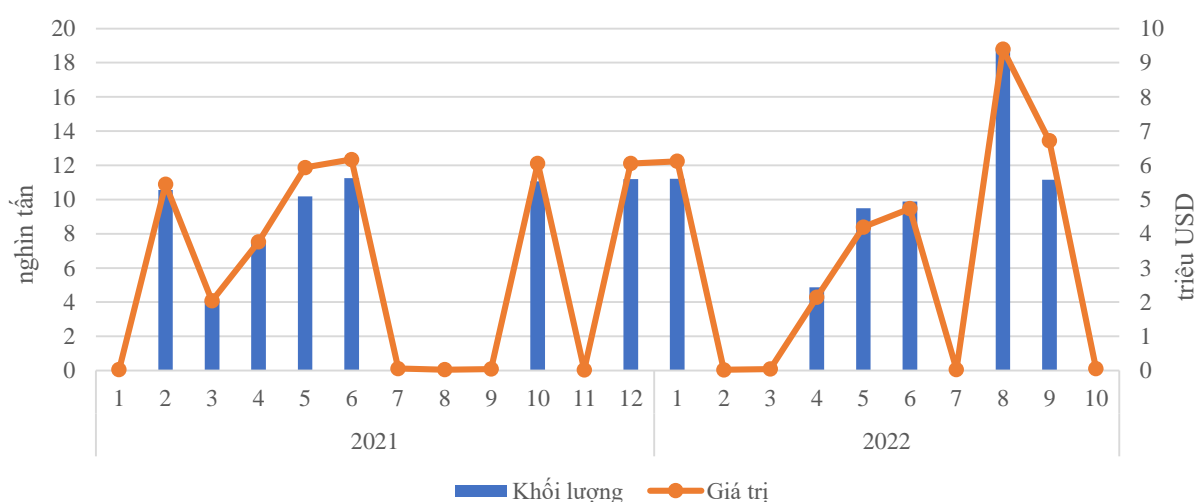
Tháng 10/2022, Việt Nam xuất khẩu 206,6 triệu USD các mặt hàng NLTS chính tới Hàn Quốc, tăng 4,38% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, thủy sản có kim ngạch xuất khẩu cao nhất tới thị trường này chiếm 39,9%, thứ hai là gỗ và sản phẩm gỗ với 36,9%, rau quả chiếm 6,0%. Trong các mặt hàng xuất khẩu chính, cà phê, gỗ và sản phẩm gỗ, sắn và sản phẩm cao su là các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng, còn lại các mặt hàng khác có kim ngạch giảm so với cùng kỳ năm 2021.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 10/2022, Việt Nam xuất khẩu được 0,1 nghìn tấn gạo, trị giá 0,06 triệu USD sang Hàn Quốc, giảm 99,0% về khối lượng và 99,2% về giá trị so với tháng trước; và giảm 99,0% về khối lượng và 99,1% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 10 tháng đầu năm 2022 đạt 65,8 nghìn tấn, trị giá 33,5 triệu USD, tăng 19,6% về khối lượng và 13,1% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

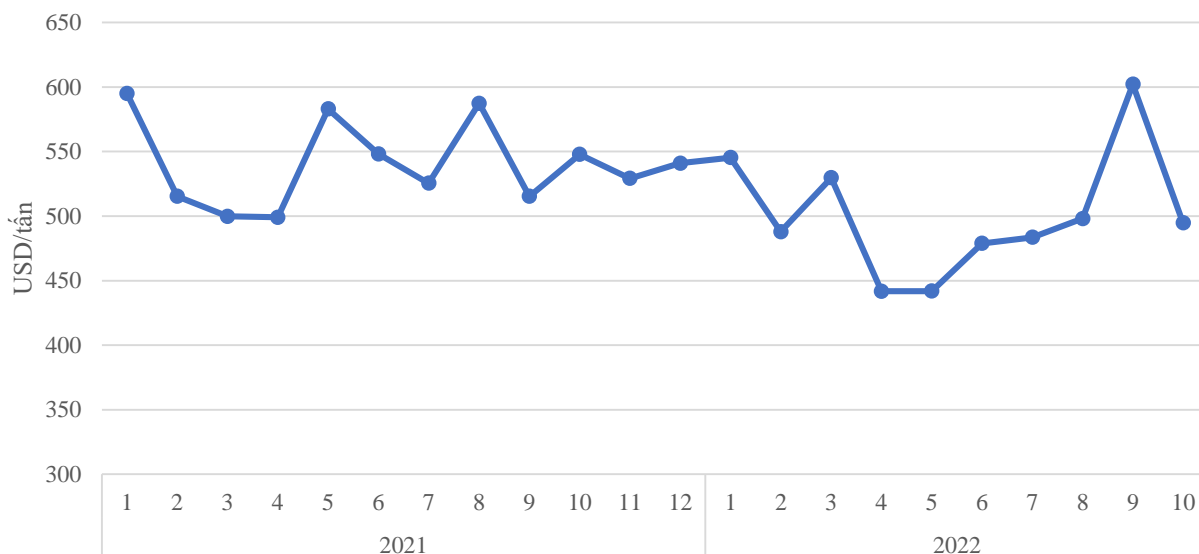
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hàn Quốc tháng 10/2022 đạt 494,7 USD/tấn, giảm 17,8% so với tháng trước, và 9,7% so với cùng kỳ năm 2021.

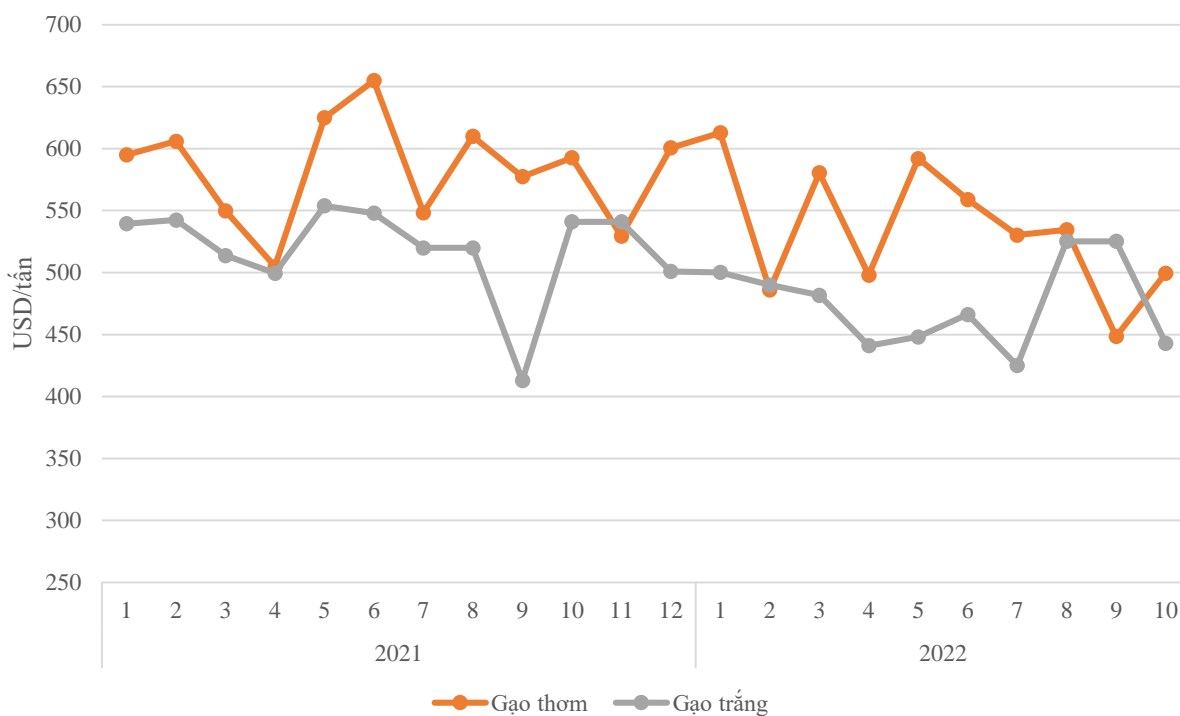
Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 10/2022, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang Hàn Quốc, chiếm 65,5% về khối lượng và 64,8% về giá trị trong tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang Hàn Quốc trong tháng. Giá xuất khẩu gạo thơm đạt 499,5 USD/tấn, tăng 11,4% so với tháng trước nhưng giảm 15,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

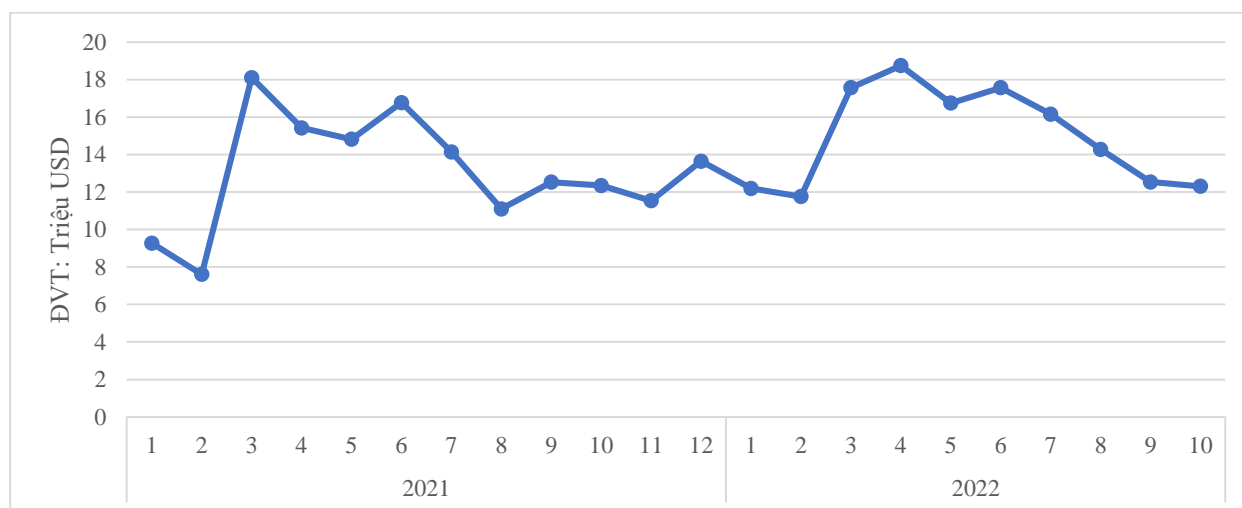
2. RAU QUẢ

Theo USDA, sản lượng lê của Hàn Quốc trong niên vụ 2022/23 dự báo tăng do thời tiết thuận lợi. Tiêu thụ lê sẽ tăng 14,3% sau khi giá thị trường giảm 6% và số dư sản lượng tăng sẽ được chuyển sang xuất khẩu. Theo các quy định kiểm dịch thực vật hiện hành của Hàn Quốc, hoạt động nhập khẩu lê tươi (bao gồm lê có xuất xứ từ Hoa Kỳ) không được phép.

Trong tháng 11, mặc dù giá cải thảo giảm nhưng giá kim chi vẫn ở mức cao do các nguyên liệu chính đắt hơn nhiều so với những năm trước. Giá cải thảo trung bình là 3,15 USD/cây, giảm 45,8% so với cùng kỳ tháng trước, nhưng cao hơn 15,4% so với cùng kỳ năm trước;

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc tháng 10 năm 2022 đạt 12,3 triệu USD, chiếm 4,0% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, giảm 1,8% so với tháng trước và giảm 0,4% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 10 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hàn Quốc đạt 149,7 triệu USD (chiếm 5,4% thị phần), tăng 13,3% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc



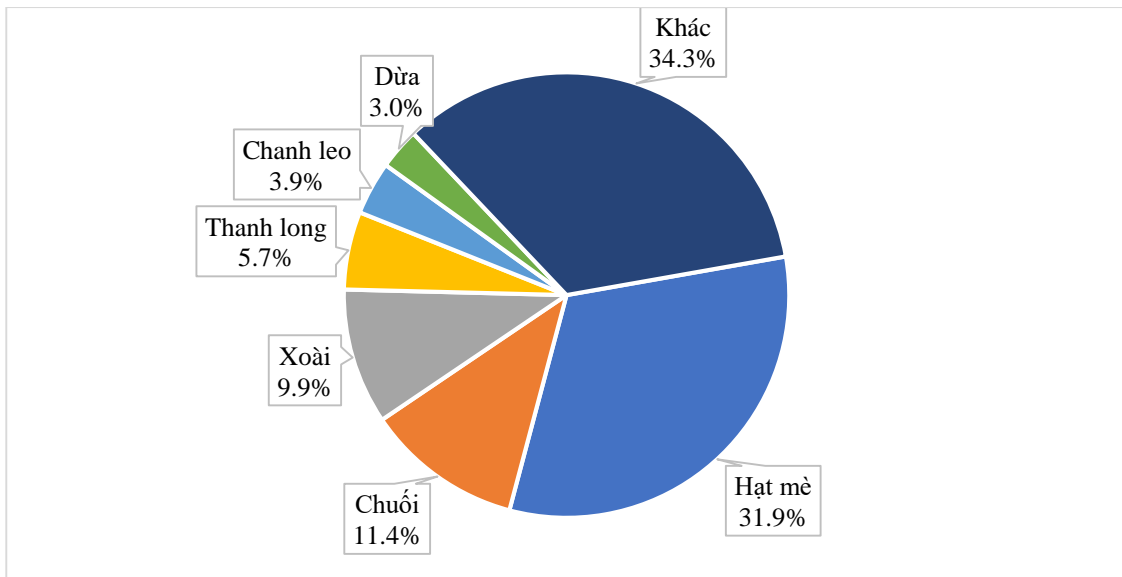
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 10 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 5,4 triệu USD (chiếm 43,5% thị phần, giảm 11,2% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 6,9 triệu USD (chiếm 56,5% thị phần), tăng 10,1%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 5,3 triệu USD, giảm 1,0% so với cùng kỳ năm trước; (ii)

nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 865,4 nghìn USD (tăng 119,3%); (iii) rau, quả muối chua (Mã HS: 2001) đạt 379,5 nghìn USD (tăng 42,7%); v.v.

Trong tháng 10 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc nhiều nhất bao gồm: hạt mè đạt 3,9 triệu USD (chiếm 31,9% tổng giá trị xuất khẩu), giảm 7,4% so với cùng kỳ năm 2021; chuối đạt 1,4 triệu USD (chiếm 11,4%), giảm 6,2%; xoài đạt 1,2 triệu USD (chiếm 9,9%), giảm 16,8%; thanh long đạt 696 nghìn USD (chiếm 5,7%), tăng 7,3%; v.v.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 10/2022



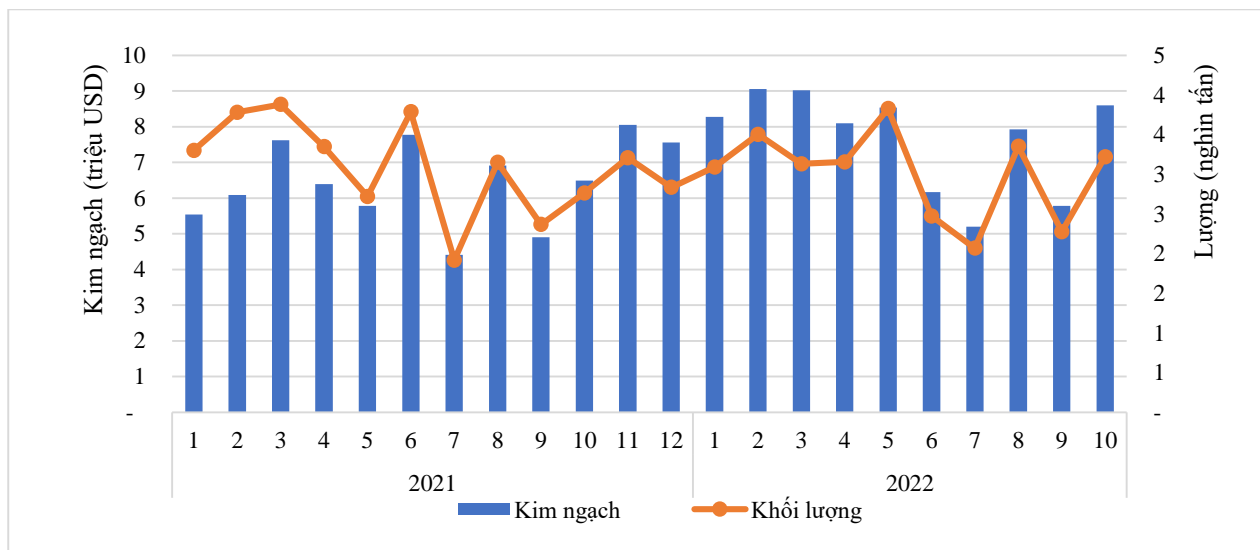
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hàn Quốc tháng 10 năm 2022 đạt 6,1 triệu USD, chiếm 2,8% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 43,6% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 10 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 46,8 triệu USD, chiếm 2,8% thị phần, tăng 39,9% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 10/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: rong biển đạt 2,5 triệu USD (chiếm 41,3%), tăng 69,7% so với cùng kỳ năm 2021; lê đạt 1,3 triệu USD (chiếm 21,8%), tăng 65,9%; nho đạt 1,3 triệu USD (chiếm 20,9%), tăng 1,3%; v.v.

3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 10/2022 ước đạt 3,2 nghìn tấn với trị giá 8,6 triệu USD, tăng 41,5% về lượng và 48,7% về giá trị so với tháng trước, và tăng 16,5% về lượng và tăng 32,5% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

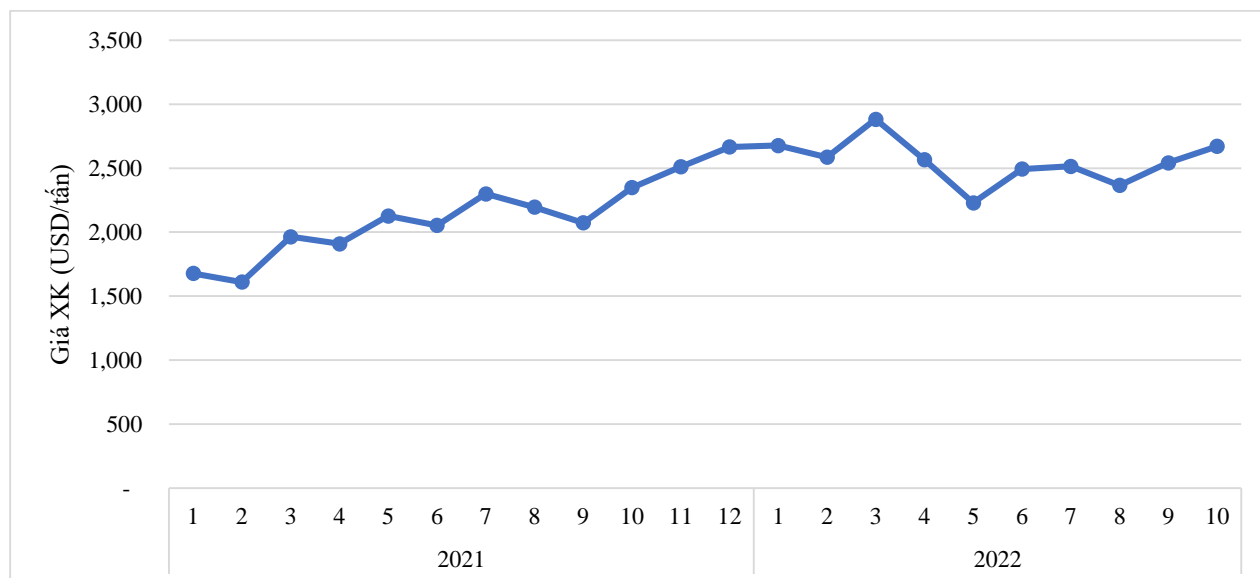
Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 10/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc đạt 2.671 USD/tấn, tăng 5,1% so với tháng trước và tăng 13,8% so với cùng kỳ năm trước.

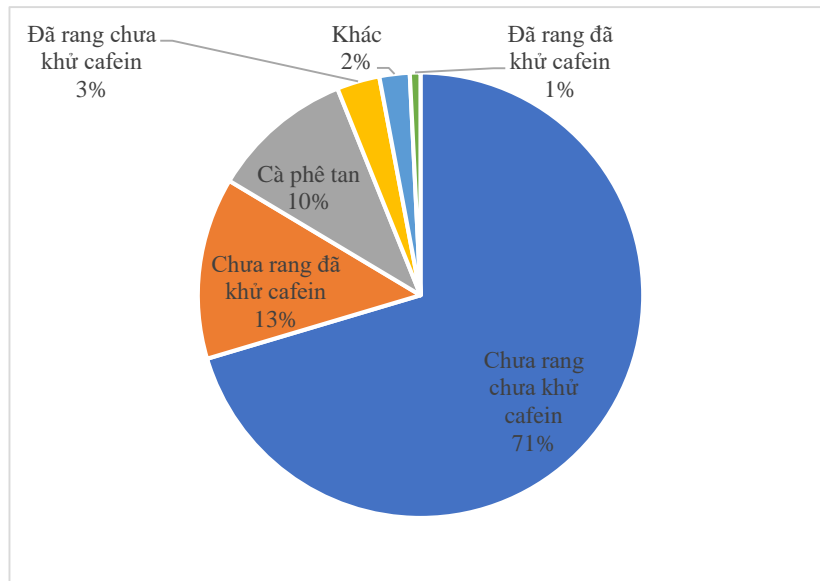
Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 10/2022, cà phê chưa rang chưa khử caffein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 6,0 triệu USD, chiếm 70,4% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê chưa rang đã khử caffein với kim ngạch 1,1 triệu USD, chiếm 13,2% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê tan chiếm 10,3% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 8: Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 10/2022

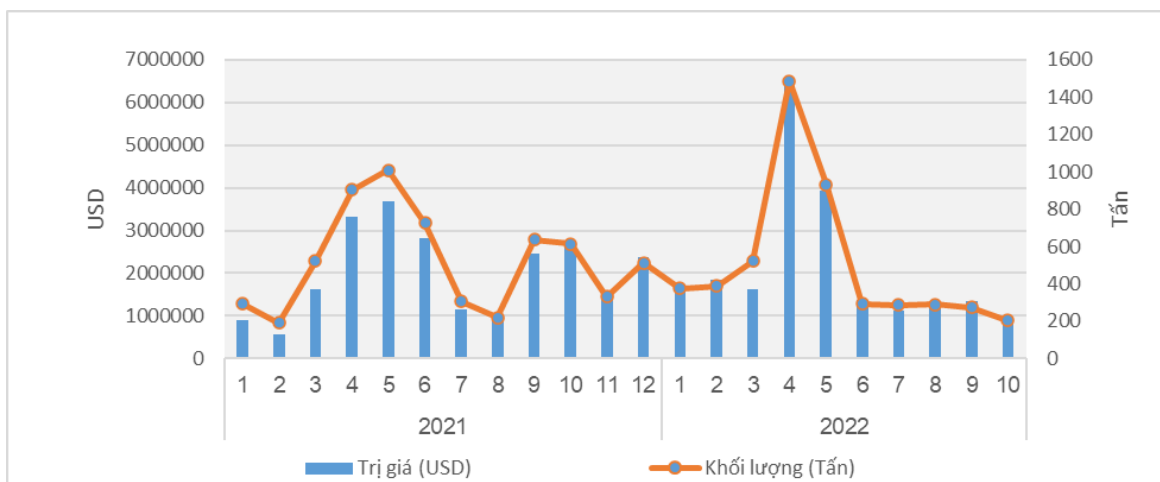


Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. HỒ TIÊU

Theo số liệu công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 10/2022 tiếp tục giảm mạnh cả về khối lượng và giá trị so với tháng trước. Trong tháng này, Việt Nam xuất khẩu được 203 tấn hồ tiêu với giá trị khoảng 939 nghìn USD, giảm 25,91% về khối lượng và 30,3% về giá trị so với tháng trước. giảm 67% về khối lượng và giảm 66% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

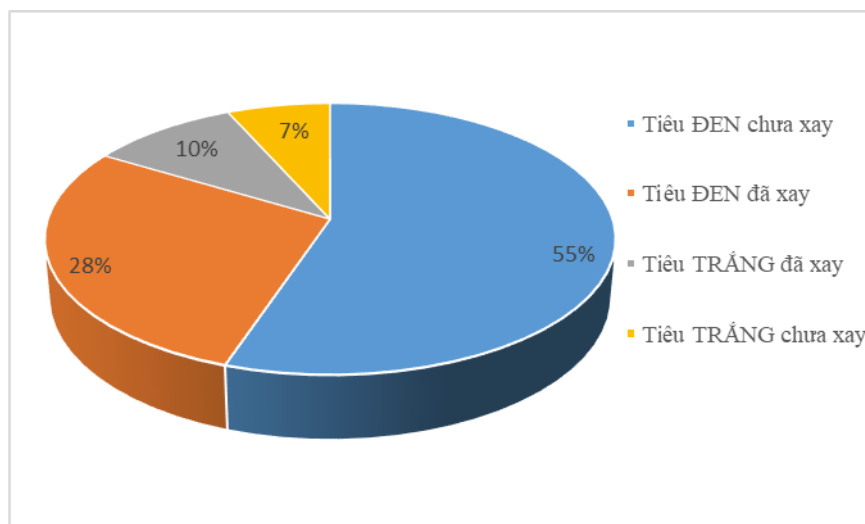
Hình 9: Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục hải quan

Trong tháng 10/2022, tiêu đen là loại sản phẩm xuất khẩu chủ đạo của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc, trong đó, tiêu đen chưa xay chiếm 55% tổng giá trị xuất khẩu, đạt 518 nghìn USD, giảm 33,5% so với tháng trước và giảm 74,6% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ 2 là tiêu đen đã xay với 266 nghìn USD, chiếm 28%, giảm 14,8% so với tháng trước và giảm 14,1% so với cùng kỳ năm 2021. Đứng thứ 3 là tiêu trắng đã xay chiếm 10%, cuối cùng là tiêu trắng chưa xay chiếm tỷ lệ 7%.

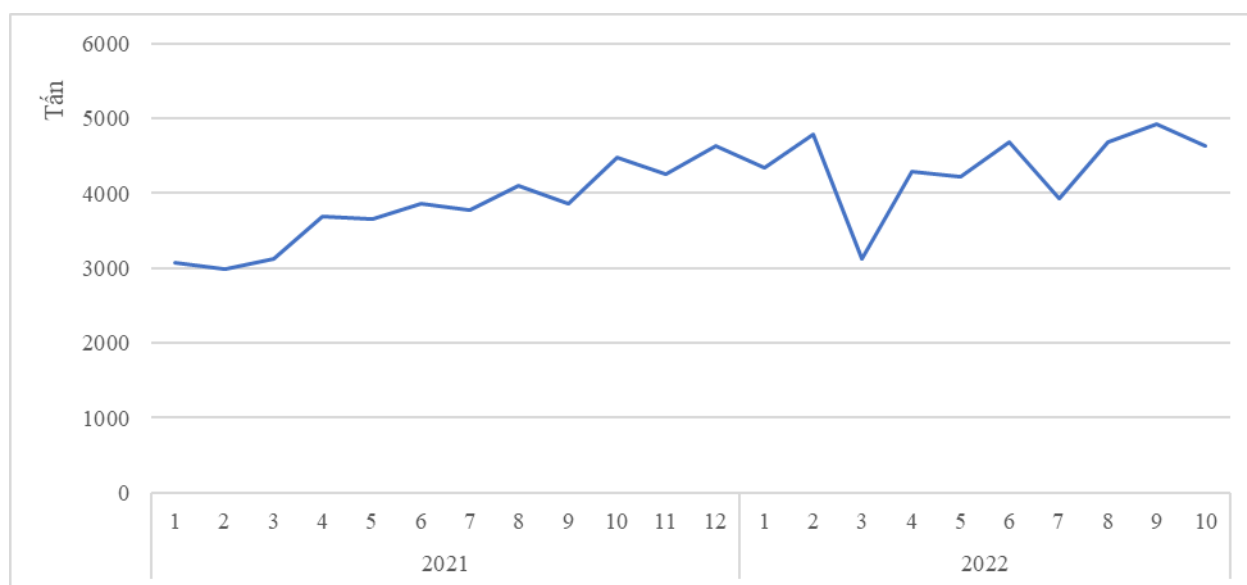
Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu tiêu sang thị trường Hàn Quốc tháng 10/2022



Nguồn: Tổng cục hải quan

Giá xuất khẩu hồ tiêu bình quân của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 10/2022 giảm xuống mức 4.627 USD/tấn, giảm 5,9% so với tháng trước và tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 11: Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc (USD/tấn)

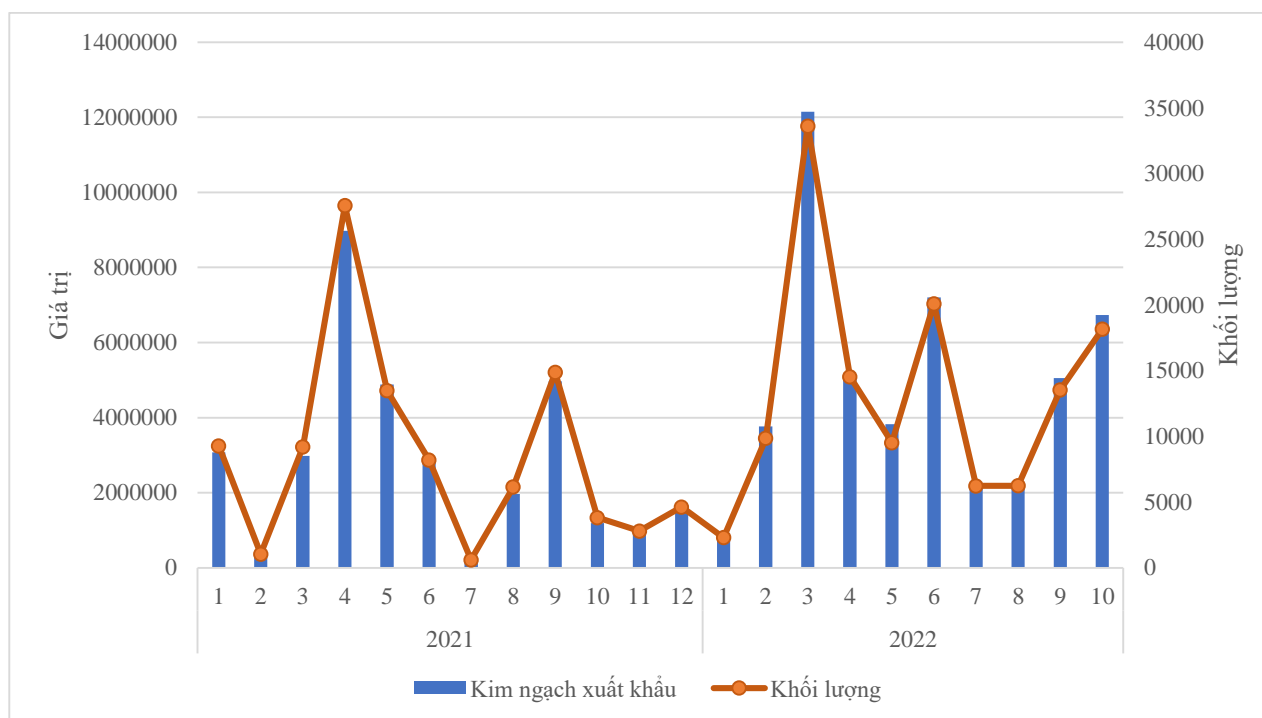


Nguồn: Tổng cục hải quan

5. SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN

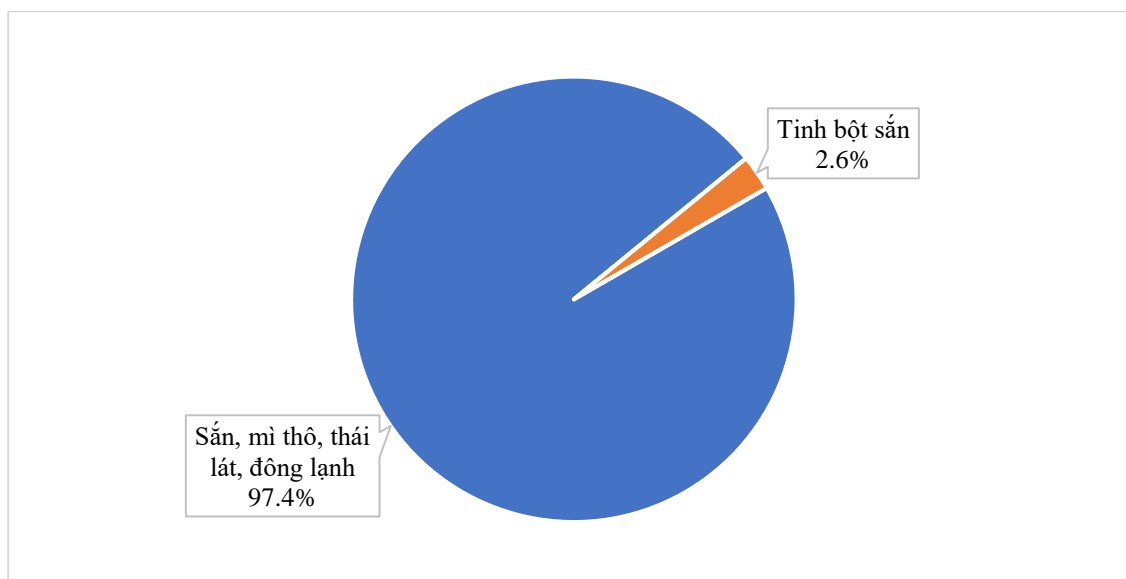
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 10/2022, Việt Nam xuất khẩu được 18.156 tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 6,7 triệu USD sang thị trường Hàn Quốc, tăng 34,0% về khối lượng và tăng 33,2% về giá trị so với tháng 9/2022; tăng 374,5% về khối lượng và tăng 467,5% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Lũy kế 10 tháng đầu năm 2022, khối lượng sản và sản phẩm từ sản xuất khẩu sang thị trường này đạt 138.899 tấn, trị giá đạt 49,5 triệu USD, tăng 51,5% về khối lượng và tăng 62,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Hàn Quốc chiếm 7,6% về khối lượng và 6,6% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 10 năm 2022. Trong đó, sản lát, đông lạnh đạt 6,56 triệu USD (chiếm 97,4% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường này), tăng 35,4% so với tháng trước và tăng 537,5% so với năm trước; tinh bột sản đạt 174,1 nghìn USD (chiếm 2,6%), giảm 16,1% so với tháng trước và tăng 10,5% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 13: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Hàn Quốc

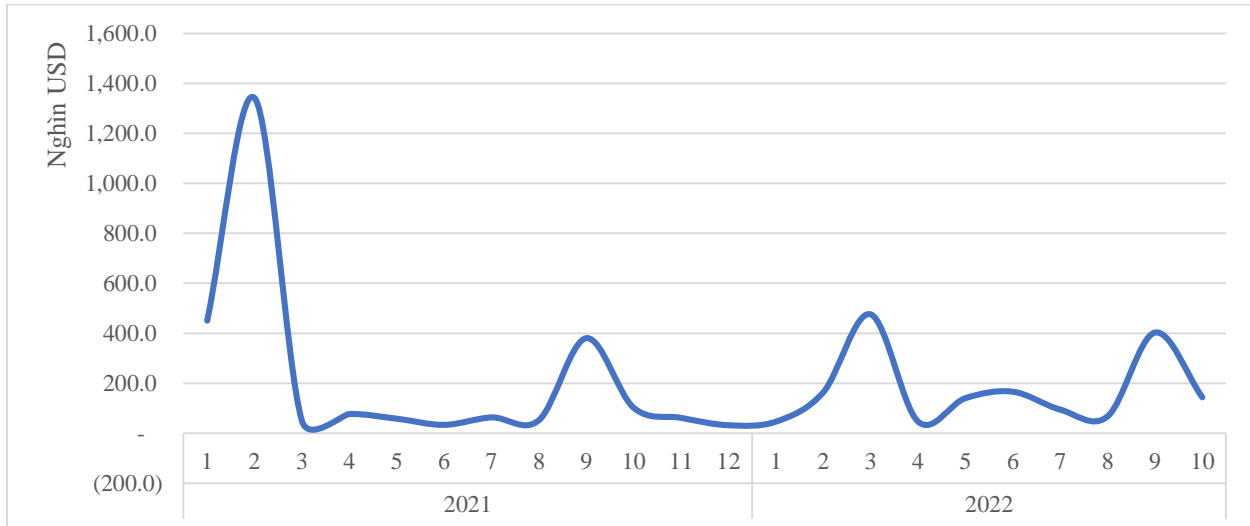
Nguồn: Tổng cục Hải quan

6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Hàn Quốc gần đây đã mở hạn ngạch miễn thuế đối với thịt heo nhập khẩu - một động thái chủ yếu mang lại lợi ích cho thịt heo Canada, Mexico và Brazil, vì nhập khẩu từ Mỹ, EU và Chile đã vào Hàn Quốc với mức thuế bằng 0. Trong khi sản lượng tháng 8 là nhỏ nhất trong 6 tháng trước đó, xuất khẩu của Mỹ sang Hàn Quốc vẫn cao hơn so với tổng xuất khẩu của năm trước, tăng 37% lên 13.568 tấn. Giá trị xuất khẩu đạt 48,6 triệu USD, tăng 34%. Trong 8 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu thịt heo Mỹ sang Hàn Quốc tăng 1% so với năm 2021 lên 120.687 tấn, trong khi giá trị tăng 9% lên 424,1 triệu USD.

Trong tháng 10/2022, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 143,14 nghìn USD, tăng 41,6% so với tháng 10/2021 và giảm 64,5% so với tháng trước.

Hình 14: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu, trong tháng 10/2022, Việt Nam đã nhập khẩu 7,31 triệu USD sản phẩm thịt từ Hàn Quốc, giảm 11,9% so với tháng trước, và tăng 47,5% so với cùng kỳ năm trước, sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là thịt và phụ phẩm giết mổ từ gia cầm gần 100% đạt 7,30 triệu USD tăng 47,5% so với tháng 10/2021 và giảm 11,9% so với tháng trước.

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) dự báo nhu cầu thịt lợn của Hàn Quốc trong năm 2022 sẽ vẫn ổn định và có thể được cải thiện trong nửa cuối năm 2022, nhờ việc mở cửa trở lại lĩnh vực nhà hàng của nước này. Tuy nhiên, các hạn chế liên quan đến dịch COVID-19 tiếp tục tác động đến các cơ sở kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các doanh nghiệp của Hàn Quốc, nơi lượng thịt được tiêu thụ nhiều. Trong khi đó, sản lượng thịt lợn nội địa năm 2022 của Hàn Quốc được dự báo tiếp tục tăng.

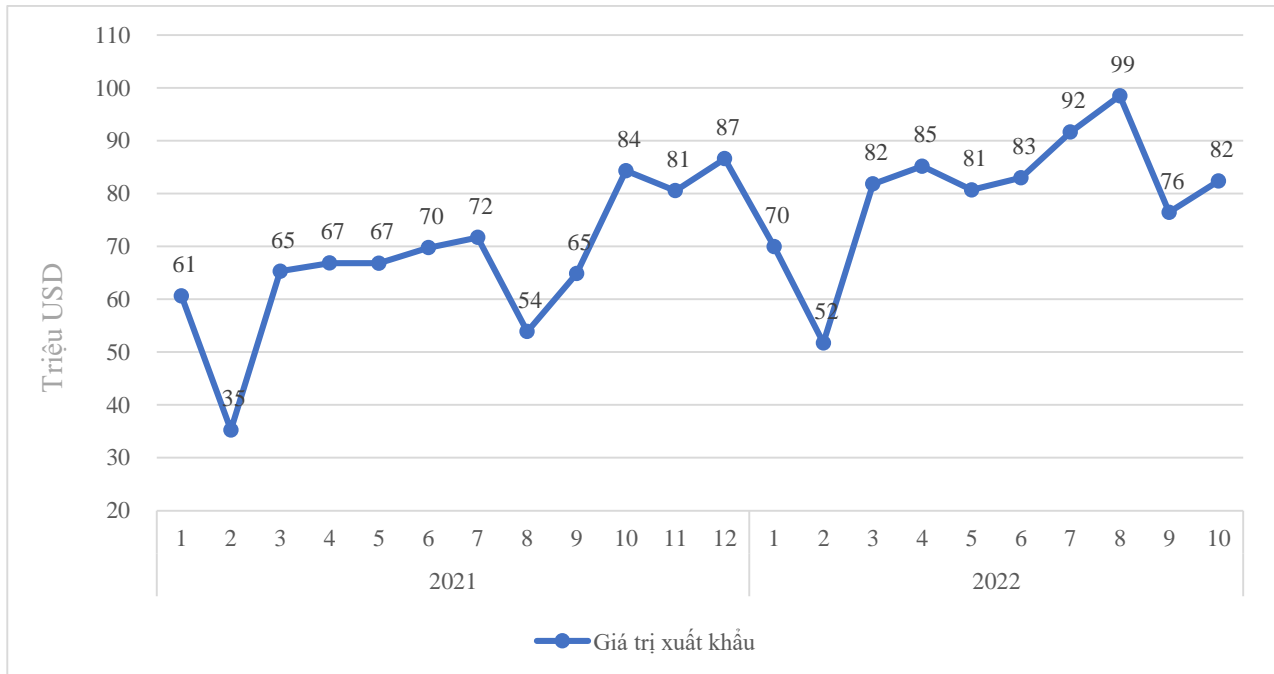
7. THỦY SẢN

Tính đến tháng 10 năm 2022, tổng cộng 976.967 tấn thủy sản đã được nhập khẩu vào Hàn Quốc, trong đó nhập khẩu bạch tuộc nhỏ đông lạnh 22.923 tấn, tương đương 2,35%. Trong tháng 10, giá trị bạch tuộc đông lạnh loại nhỏ nhập khẩu vào Hàn Quốc 15,07 triệu USD, giảm 26% so với 20,48 triệu USD của năm trước và lũy kế nhập khẩu là 161,92 triệu USD, cao hơn 2% so với 158,66 triệu USD của năm trước.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 10/2022, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc đạt hơn 82,4 triệu USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này 10 tháng đầu năm đạt hơn 800 triệu USD, chiếm 9,1% tổng giá trị xuất thủy sản của Việt Nam, tăng 25,4% so với cùng kỳ. Hàn Quốc là một trong 5 thị trường xuất

khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng này sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc. Tôm là sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm 47,1%; tiếp đến là Mực và bạch tuộc chiếm 29,3%.

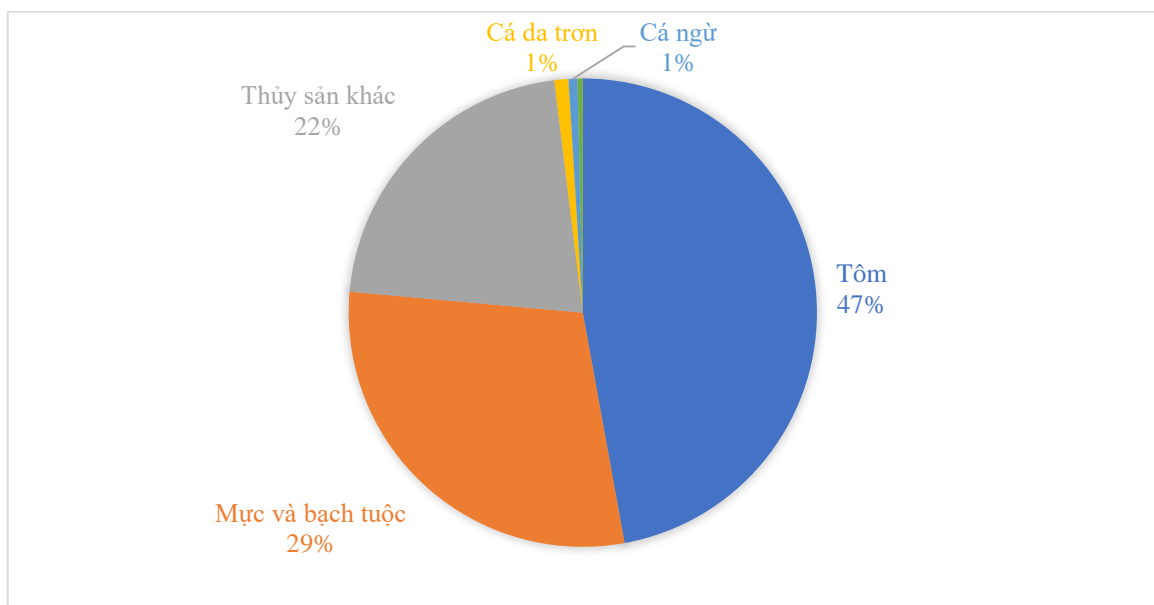
Hình 15: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 10/2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này tiếp tục có xu hướng giảm so nhẹ so với cùng kỳ năm trước, giảm 2,3% nhưng tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước.

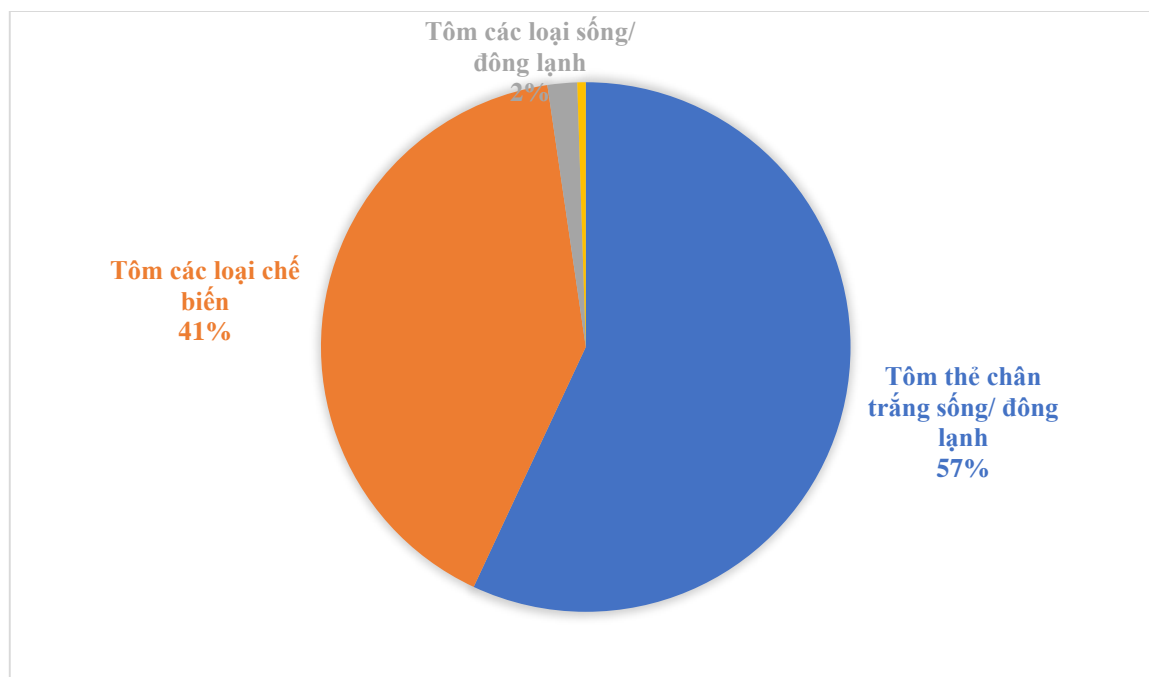
Hình 16. Cơ cấu sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 10/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tôm là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường này trong tháng 10/2022 đạt 38,8 triệu USD, chiếm 47,1% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này, giảm 14,9% so với cùng kỳ năm trước. Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh vẫn là sản phẩm xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm khoảng 56,9%, tôm các loại chế biến đứng thứ 2 chiếm 40,7% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang Hàn Quốc.

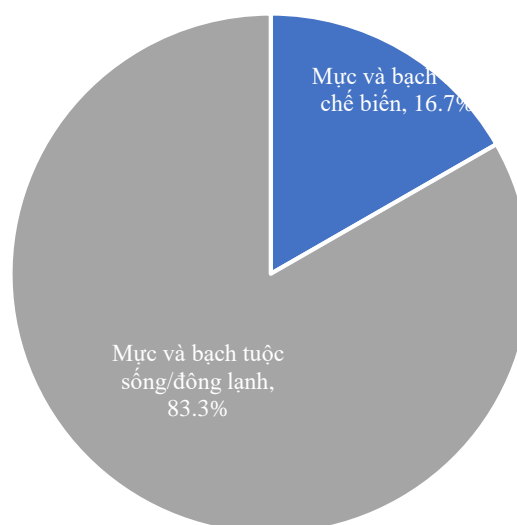
Hình 17. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hàn Quốc tháng 10/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 10/2022, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh sang thị trường này đạt 22,1 triệu USD, giảm 13,4% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến đạt 15,8 triệu USD, tăng 28,1%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,7 triệu USD, tăng 36,4%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 0,2 triệu USD, giảm 77%.

Mặt hàng mực và bạch tuộc, giá trị xuất khẩu tháng 10 năm 2022 đạt 24,1 triệu USD, giảm 14,9% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu mực và bạch tuộc sống/đông lạnh đạt 20,6 triệu USD, giảm 19,3% so với cùng kỳ năm trước; mực và bạch tuộc chế biến đạt 3,5 triệu USD, tăng 24,5%.

Hình 18. Cơ cấu xuất khẩu mực và bạch tuộc sang Hàn Quốc tháng 10/2022

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 10/2022: Cá da trơn đạt 0,8 triệu USD, tăng 172,2% so với cùng kỳ năm trước; cá ngừ đạt 0,5 triệu USD tăng 295,9%; cá rô phi đạt 0,3 triệu USD, giảm 16,6%; thủy sản khác đạt 17,8 triệu USD, tăng 13,69% so với cùng kỳ năm trước.

Tháng 10/2022, giá bình quân của một số mặt hàng thủy sản chính sang thị trường Hàn Quốc như sau: Giá xuất khẩu tôm trung bình đạt 8 USD/kg, giảm 4% so với cùng kỳ năm trước; mực và bạch tuộc đạt 10,8 USD/kg tăng 164%.

Bảng 1: Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 10/2022

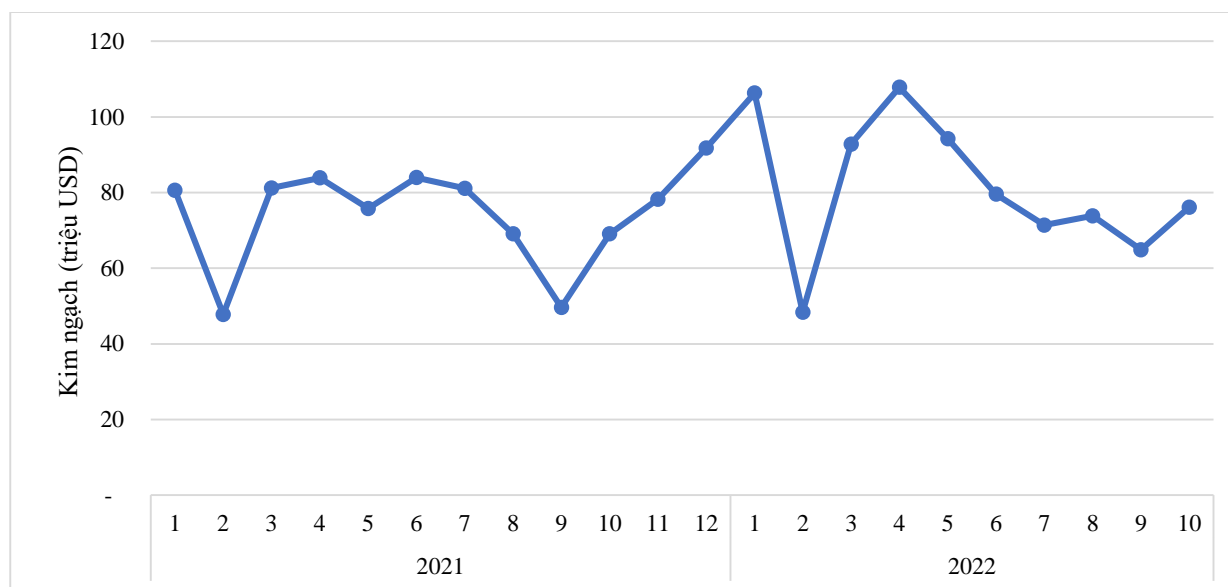
TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	3,9	24,5%	4,6%
2	Cá rô phi	2,7	5,6%	-7,6%
3	Cua, ghẹ	9,0	164,7%	41,8%
4	Mực và bạch tuộc	10,8	31,2%	-6,2%
5	Tôm	8,0	-4,0%	-0,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 10/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 76,1 triệu USD, tăng 17,4% so với tháng trước và tăng 10,3% so với cùng kỳ năm 2021.

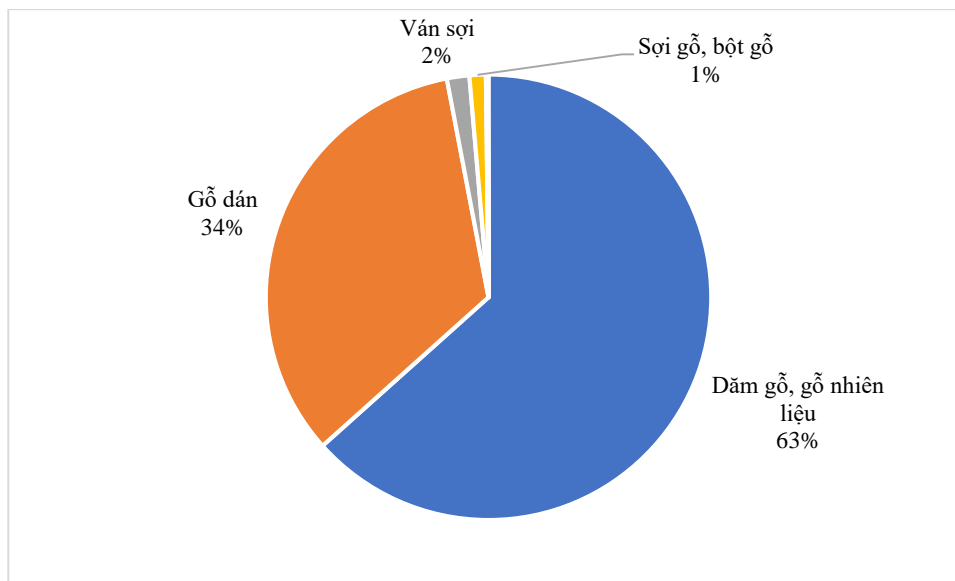
Hình 19: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 10/2022, dăm gỗ là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 36,9 triệu USD, chiếm 63,4% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ dán với kim ngạch 19,6 triệu USD, chiếm 33,6% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là ván sợi và sợi gỗ chiếm lần lượt 1,6% và 1,2% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 20: Chứng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 10/2022

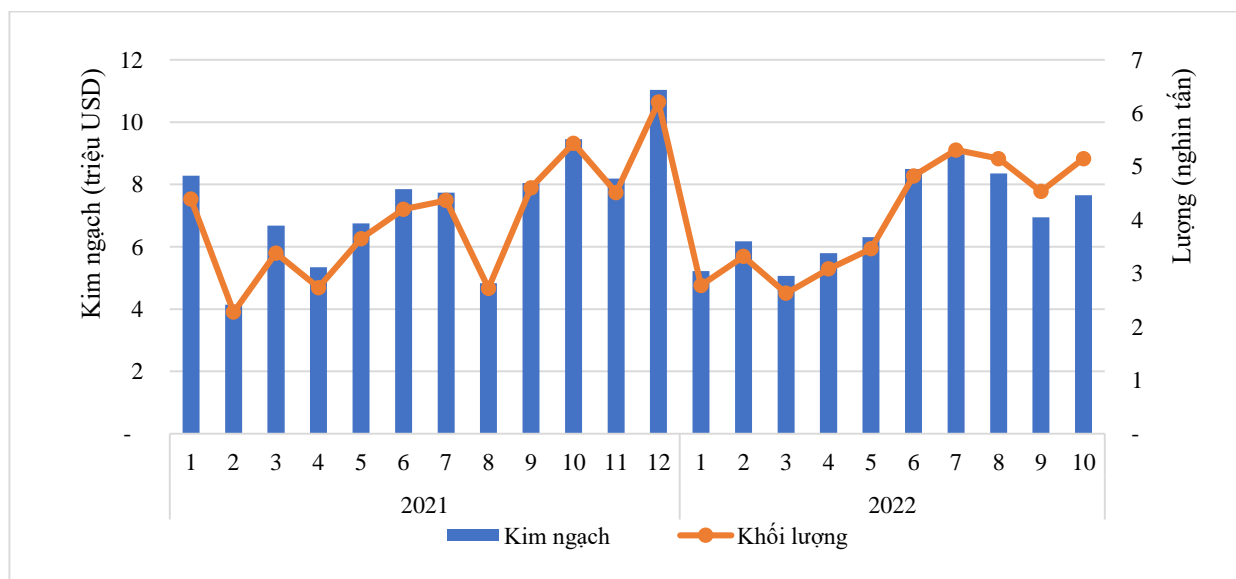


Nguồn: Tổng cục Hải quan

9. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 10/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 5,2 nghìn tấn với trị giá 7,7 triệu USD, tăng 13,6% về khối lượng và 10,2% về giá trị so với tháng trước; giảm 5,3% về khối lượng và 19,0% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

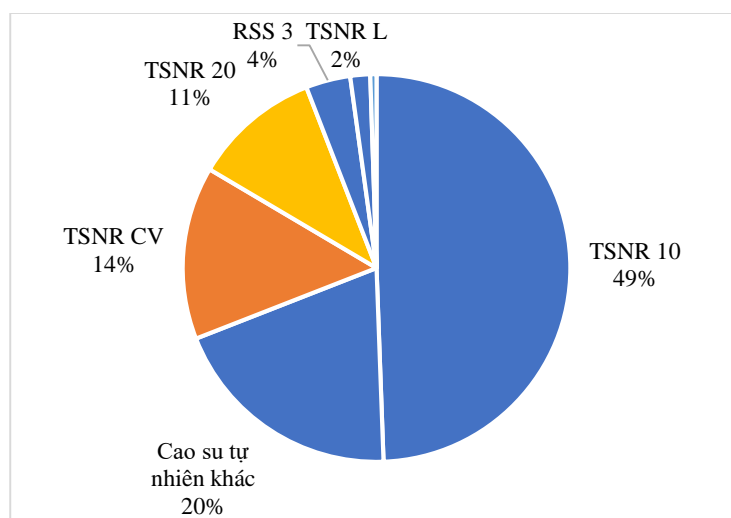
Hình 21: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 10/2022, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR 10 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 3,8 triệu USD, chiếm 49,4% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR CV với kim ngạch 1,1 triệu USD, chiếm 14,4% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR 20, RSS 3 và TSNR L chiếm lần lượt 10,6%, 3,7% và 1,7% tổng giá trị xuất khẩu. Cuối cùng là mủ cao su tự nhiên chiếm 0,5% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

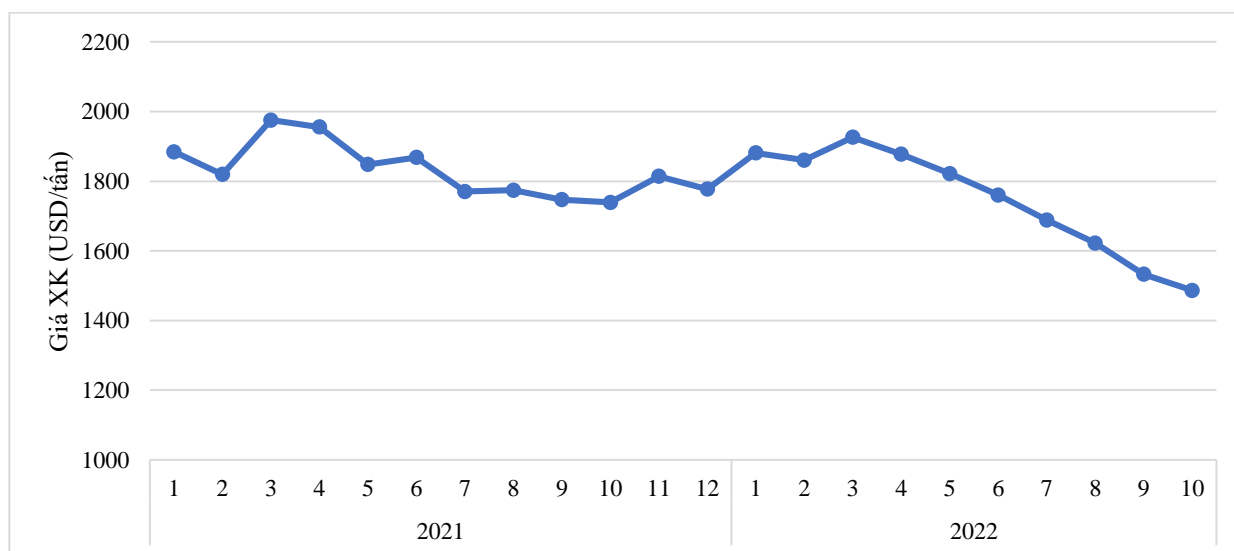
Hình 22: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 10/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc đạt mức 1.486 USD/tấn trong tháng 10/2022, giảm 3,0% so với tháng trước, và giảm 14,5% so với cùng kỳ 2021.

Hình 23: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Theo Cơ quan Thống kê Hàn Quốc, sản lượng gạo năm nay của Hàn Quốc ước đạt 3,8 triệu tấn, giảm 3% so với năm trước đó. Như vậy, sau khi tăng trở lại với mức 10,7% vào năm 2021, sau 5 năm giảm liên tục từ 2016 đến 2020, sản lượng của Hàn Quốc lại quay trở lại đà suy giảm. Nguyên nhân chính của việc giảm sản lượng năm nay là do thời tiết mưa nhiều và ảnh hưởng của bão. Bên cạnh đó, diện tích suy giảm nhẹ cũng khiến sản lượng bị ảnh hưởng, cụ thể, trong năm nay, Hàn Quốc đã gieo trồng khoảng 727,1 nghìn ha lúa gạo, giảm 0,7% so với năm trước đó.

Vào cuối tháng 11/2022, Hàn Quốc đã từ chối lô hàng nhập khẩu gạo khoảng 50,5 nghìn tấn theo phương thức đấu thầu vì nguyên nhân mức giá không phù hợp. Lô hàng đấu thầu này trước đó đã được các nhà xuất khẩu Hoa Kỳ thành công đặt được. Thay vào đó, Hàn Quốc quyết định mở ra phiên đấu thầu khác với khoảng 63,6 nghìn tấn gạo dành cho quốc gia này. Ngoài ra, Hàn Quốc đang dự định mở ra phiên đấu thầu mới trong năm 2023 với loại gạo lứt tẻ hạt vừa và gạo đã xay xát tẻ hạt vừa, dự tính được giao thành 6 lần tới Hàn Quốc từ ngày 1/2 đến ngày 30/6/2023. Tuy nhiên, khối lượng của lần đấu thầu cho năm 2023 này vẫn chưa được quyết định.

2. Gỗ

Mặc dù xuất khẩu đồ gỗ nội thất đang gặp một số khó khăn trong những tháng cuối năm, nhưng xuất khẩu dăm gỗ và viên nén gỗ đang phát triển mạnh mẽ đã cân đối lại lượng ngoại tệ mang về trong 10 tháng năm 2022. Nhu cầu nhập khẩu dăm gỗ và viên nén gỗ tại khu vực Châu Á cũng tăng mạnh là do các thị trường chính Hàn Quốc, Nhật Bản đều có nhu cầu tăng, trong bối cảnh 2 thị trường này tiếp tục thực hiện chuyển đổi từ nguồn điện than sang điện sạch, bao gồm cả điện sinh khối.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 10/2022

STT	Sản phẩm	T10/2022 (USD)	Tăng/giảm so với T10/2021	Tỷ trọng (%)
1	Cà phê	8.600.634	32,47%	4,16%
2	Cao su	7.655.332	-19,04%	3,71%
3	Gỗ và SP gỗ	76.126.333	10,26%	36,85%
4	Hàng rau quả	12.305.898	-0,35%	5,96%
5	Hàng thủy sản	82.391.151	-2,31%	39,88%
6	Hạt tiêu	939.347	-65,90%	0,45%
7	Phân bón các loại	226.550	-63,34%	0,11%
8	Mây tre đan	1.557.047	-34,18%	0,75%
9	SP từ cao su	8.447.008	21,72%	4,09%
10	Sắt và SP từ sắt	6.735.990	467,53%	3,26%
11	TAGS & NL	1.586.903	-32,70%	0,77%
Tổng XK NLTS		206,572,193		206,572,193

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hàn Quốc tháng 10/2022

TT	Loại sản phẩm	Tháng 10/2021		Tháng 10/2022		So sánh 2022/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1.	Gạo thơm	28	15.338	75	36.707	167,9%	139,3%
2.	Gạo trắng	11.033	6.044.250	24	10.632	-99,8%	-99,8%
3.	Các loại gạo khác	0	0	15	9.305	n/a	n/a

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê sang Hàn Quốc tháng 10/2022

Mặt hàng	T10/2021 (USD)	T10/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	4.468.935	6.048.668	35,35%
Cà phê tan	1.103.419	888.377	-19,49%
Chưa rang đã khử cafein		1.132.826	
Đã rang chưa khử cafein	443.795	267.302	-39,77%
Khác	478.974	189.081	-60,52%
Đã rang đã khử cafein		66.144	
Tổng	6.495.123	8.592.398	32,29%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hàn Quốc tháng 10/2022

TT	Sản phẩm	Tháng 10/2021	Tháng 10/2022	So sánh 2022/2021
		(USD)	(USD)	
	Tổng giá trị XK	12.349.444	12.305.898	-0,4%
1	Hạt mè	4.239.197	3.926.742	-7,4%
2	Chuối	1.497.325	1.403.879	-6,2%
3	Xoài	1.458.525	1.213.544	-16,8%
4	Thanh long	648.625	695.984	7,3%
5	Chanh leo	140.920	475.836	237,7%
6	Dừa	310.706	369.878	19,0%
7	Khác	4.054.145	4.220.037	4,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Cơ cấu sản và sản phẩm sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 10/2022

TT	Sản phẩm	T10/2021 (USD)	T10/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
1	Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	1.029.298	6.561.845	537,5%
2	Tinh bột sắn	157.600	174.145	10,5%
	Tổng giá trị XK	1.186.898	6.735.990	467,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 7: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Hàn Quốc tháng 10/2022

Loại sản phẩm	Tháng 10/2021 (USD)	Tháng 10/2022 (USD)	So sánh 2022/21 (%)
Cá da trơn	847.175,2	491.969,9	72,2%
Cá ngừ	501.060,0	126.557,1	295,9%
Cá rô phi	302.123,0	362.092,1	-16,6%
Cua, ghe	28.800,0	14.926,0	93,0%
Mực và bạch tuộc	24.148.591,8	28.377.421,5	-14,9%
Tôm	38.772.971,4	39.304.112,6	-1,4%
Thủy sản khác	17.790.429,6	15.658.150,9	13,6%
Tổng	82.391.151,0	84.335.230,0	-2,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan